



Phong trào chấn hưng PGVN và những đóng góp cho sự phát triển văn hóa thời cận - hiện đại

ISSN: 2734-9195

14:30 02/12/2025

Có thể nói, sự hội nhập sâu rộng và vị thế, giá trị văn hóa của Việt Nam trên trường quốc tế ngày nay được tăng cường có một phần đóng góp của các phong trào Phật giáo Việt Nam.

Tác giả: **TS Phạm Minh Thế (1)**

Tham luận tại Hội thảo khoa học "Đạo Phật Với Cách Mạng Việt Nam" tổ chức ngày 25/08/2025, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội

1. Đặt vấn đề

Chịu tác động của cuộc chiến tranh xâm lược thuộc địa, nên **Phật giáo Việt Nam** từ nửa cuối thế kỷ XIX đã lâm vào tình trạng suy vi. Để khôi phục, gìn giữ rường mối đạo pháp, đầu thế kỷ XX các tăng sĩ Phật giáo Việt Nam đã phát động phong trào chấn hưng Phật giáo. Đã có nhiều công trình nghiên cứu về phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam được công bố, song vẫn còn nhiều vấn đề, nhận định còn chưa được thống nhất, nhất là về niên đại và sự phân kỳ các giai đoạn phát triển của phong trào này.



(Ảnh: Internet)

Trong hầu hết các công trình này, nhất là các công trình thông sử đều trình bày về phong trào chấn hưng Phật giáo từ năm 1930 đến năm 1945. Còn từ sau năm 1945 trở đi, được trình bày như là một phong trào nằm trong các hoạt động kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ, cứu nước. Một số công trình nghiên cứu mở rộng hơn đến phạm vi của phong trào này đến những năm 50s của thế kỷ trước. Tuy nhiên, trong các công trình nghiên cứu lịch sử Phật giáo của chính các tầng nọ, thì phong trào chấn hưng Phật giáo lại được trình bày chỉ ít là cho đến năm 1970, thậm chí là cho đến năm 1975.

Điều này cho thấy, cách hiểu về khung thời gian của phong trào chấn hưng Phật giáo ở Việt Nam vẫn chưa thống nhất. Tôi thì cho rằng, phong trào chấn hưng Phật giáo thời kỳ cận - hiện đại có thể còn kéo dài cho đến tận hôm nay và được chia thành mấy giai đoạn: 1920 - 1945; 1945 - 1954; 1954-1975; 1975 - 1981; và 1981- nay (có thể sẽ còn tiếp nối nữa về sau này). Có điều này là vì thực tiễn đã cho thấy, dù rằng Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã được thành lập năm 1981, nhưng vẫn còn đó nhiều sơn môn không nằm/thuộc tổ chức này. Mặt khác thực tiễn cũng cho thấy, trong quá trình hoạt động, hành pháp của mình, Phật giáo Việt Nam nói chung cũng như Giáo hội Phật giáo Việt Nam vẫn đã và đang có sự chuyển mình, đổi mới chứ không phải chỉ tồn tại ở trạng thái tĩnh, bất biến kể từ khi Giáo hội Phật giáo Việt Nam được thành lập từ năm 1981 cho đến nay. Phật giáo Việt Nam và Giáo hội Phật giáo Việt Nam luôn vận động, thay đổi để thích ứng và phát triển cùng với sự phát triển của đất nước và thời đại. Dòng chảy của văn hóa Phật giáo Việt Nam từ năm 1981 đến nay, do đó cũng biến đổi và có nhiều đóng góp vào sự phát triển của văn hóa quốc gia dân tộc Việt Nam.

2. Những đóng góp của phong trào chấn hưng Phật giáo cho sự phát triển của Văn hóa Việt Nam

Nếu tiếp cận phong trào chấn hưng Phật giáo dưới góc nhìn văn hóa, có thể thấy phong trào này có những đóng góp cơ bản cho sự phát triển của văn hóa Việt Nam trên một số khía cạnh sau:

Thứ nhất, phong trào này đã “góp phần giảm thiểu mê tín dị đoan, hướng con người đến những giá trị văn hóa mang tính tích cực, nhân văn trong cuộc sống” (2). Đây cũng chính là điều mà thiền sư Thích Trí Hải - một trong những người đầu tiên kêu gọi chấn hưng Phật giáo ở Bắc kỳ trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945 trăm trở. Ông viết: Trừ một số rất ít các vị cao tăng trí thức, còn phần đông tự mình không hiểu thấu nghĩa lý chân chính để tu hành tự lợi và giáo hóa cho người giác ngộ. Như thế thì làm gì mà không đưa nhau vào con đường mê

tín dị đoan, làm ảnh hưởng xấu cho toàn thể Phật giáo? Cứ xem ngay hình thức của Phật giáo hiện nay. Tuy mỗi làng có một ngôi chùa, có làng tới hai, ba, bốn, năm ngooil trừ những nơi danh lam cổ tự ra, còn hầu hết đã biến tướng rất nhiều, không còn thuần túy Phật giáo nữa. Từ nơi thờ phụng cho đến nghi thức lễ bái, không đâu giống đâu. Không những thờ Phật, Bồ Tát mà còn thờ tất cả Thánh Thần; thậm chí có nơi còn thờ cả hổ, rắn, chó đá, bình vôi v.v..; trong nhà thờ không hết đem ra cả ngoài sân, gốc cây” (3). Đó chính là lý do mà ông thốt lên rằng, tình trạng của Phật giáo Việt Nam lúc ấy là “thời kỳ mạt pháp: Phật cao một thước, ma cao nghìn trượng, người làm thì ít, kẻ phá thì nhiều” (4). Do đó, giới tăng sĩ đã coi việc “khắc phục những yếu kém đang tồn tại, nâng cao nhận thức cho tăng, ni, Phật tử cũng như quần chúng nhân dân về đạo lẩn đời” (5) là mục tiêu trước mắt của việc trùng chấn đạo Phật. Do đó “cần phải chấn chỉnh tín ngưỡng học thuật của Phật giáo để duy trì nhân tâm, thể đạo cho thuần phong mỹ tục. Một nước văn minh nào cũng cần phải có kỉ cương học thuyết để đào tạo lòng nhân ái, hầu mưu cầu hạnh phúc cho nhân sinh. Nước Việt Nam ta là một nước có nền văn hiến, đạo đức từ Đinh, Lê, Lý, Trần đến nay gần 20 thế kỉ vẫn sùng bái đạo Phật,... mà người nghiên cứu đạo Phật hết lòng sùng bái chủ nghĩa lợi tha tự do, bình đẳng, thiết hành cái lí đại đồng công ích cho nhân loại xã hội” (6). Việc kêu gọi trùng chấn lại Phật giáo về nghi lễ, kêu gọi xóa bỏ những hoạt động mang tính mê tín, dị đoan, hoặc là những nghi lễ không phải của Phật giáo trong các chùa đã được phát động. “Muốn duy trì Phật giáo, muốn bảo tồn tinh thần dân tộc, thì trước hết trong giới Tăng Ni phải có nhiều người đủ tài đức để duy trì việc hoằng hóa; phải trừ sạch những điều mê tín dị đoan đã pha trộn vào Phật giáo” (7). Đồng thời “Phải làm cho tinh thần từ bi, trí tuệ, bình đẳng, dũng mạnh, tinh tiến của Phật giáo được phát huy để bồi bổ tinh thần dân tộc Việt Nam đã có từ ngàn xưa” (8). Việc kêu gọi loại bỏ “hủ tục” đốt vàng mã được coi là hoạt động tiên phong trong việc chấn chỉnh lại nghi lễ trong các chùa chiền. Hoạt động phát chấn cứu tế, bố thí phổ độ chúng sinh cũng đã được chấn chỉnh, đổi mới (9).



(Ảnh: Internet)

Các hoạt động phát triển văn hóa, giáo dục cũng đã được triển khai trong phong trào chấn hưng Phật giáo. Ví dụ như Ban Đại lý Phật giáo tỉnh Hải Dương đã thành lập một Ban Kịch và đi diễn ở các phủ, huyện trong tỉnh, trước là để tuyên dương giáo lý, khuyến hóa nhân tâm, sau là để lấy tiền mở mang các việc công ích và chấn hưng Phật giáo. Tối ngày 11/03/1939, Ban Kịch Phật giáo Hải Dương đã tổ chức biểu diễn vở *Quả báo luân hồi* tại chùa Hội quán Đông Thuần, gần sân vận động thị xã Hải Dương (10). Các hoạt động này đã được công khai kêu gọi trên diễn đàn báo chí, góp phần làm xuất hiện nhiều luồng tư tưởng mới, mang tính chất tiến bộ. Các quan điểm, hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan đã được đẩy lùi và thay vào đó là những nhận thức mới, những cách nhìn mới đối với cuộc canh tân văn hóa và tự cường dân tộc.

Thứ hai, trên một bình diện khác, cuộc tranh luận và kêu gọi **chấn hưng Phật giáo** gắn liền với việc cổ súy cho sự phát triển thực học “để tạo ra sự gắn kết giữa khoa học thực nghiệm phương Tây với đạo đức học Phật giáo phương Đông để kiến tạo nên những giá trị văn hóa mới nhưng vẫn giữ được những nét đẹp truyền thống của văn hóa dân tộc Việt Nam” (11). Thiện Chiếu cho rằng: “Nói nghiên cứu là phải lấy phương pháp thiết nghiệm của khoa học làm căn bản, lấy sự thiết trên lịch sử làm chứng cứ, thì mới có thể phát huy được nghĩa mầu trong sách Phật, và mới tránh khỏi những sự hoang đường vô lý của người sau thêm vào, chớ không phải cứ theo sách mà dịch càn rồi cũng xưng là Nghiên cứu Phật học? Và phải làm thế nào cho tín đồ có sự hiểu biết thông thường về

Phật giáo thì người ta mới biết cái bốn phận của người tại gia, mới biết chỗ sai lầm của Giáo hội” (12). Nguyễn Lang cho rằng: “Những nỗ lực cải cách văn hóa, xiển dương quốc học và phục hưng Phật giáo đều có thể được nhận định là những hoạt động công khai nhằm nối tiếp tinh thần Đông Kinh Nghĩa Thực với một đường lối tranh đấu ôn hòa trong khuôn khổ “thỏa hiệp” với phe thống trị. Mục tiêu của tất cả những hoạt động này là khai hóa dân trí, tìm kiếm và xác định một ý thức hệ dân tộc. Sống dưới sự bảo hộ của một ngoại bang, cái lo âu sâu đậm nhất của người Việt là sự đánh mất cá tính và linh hồn Việt, cho nên sự phục hưng Phật học cũng như ý hướng xây dựng “quốc học” đã được sự hỗ trợ nồng nhiệt của quần chúng. Phục hưng Phật học và xây dựng quốc học là những công việc làm chính đáng, hợp pháp, không phải là những việc quốc cấm, cho nên không sợ bị đàn áp. Nơi đây hai giới tân học và cựu học có thể gặp nhau để cùng hoạt động: cả trong hai lĩnh vực tôn giáo và văn hóa, chữ Nho, chữ Quốc ngữ và chữ Tây đều được sử dụng. Chữ “quốc ngữ” trở thành một phương tiện mầu nhiệm nối liền hai thế hệ cựu học và tân học” (13). Sự kết hợp giữa tân học với cựu học, triết giải các vấn đề nghi lễ của Phật học trên cơ sở của khoa học đã làm cho Phật giáo và các hoạt động, sinh hoạt Phật giáo cận - hiện đại mang màu sắc hiện đại, có phần nào đó là thực dụng, đời hơn, nhưng vẫn giữ được rường mối của đạo pháp.

Có thể thấy *đóng góp thứ ba, quan trọng* của phong trào chấn hưng Phật giáo đối với sự phát triển của văn hóa Việt Nam là *truyền bá quốc ngữ*. Trong chương trình kêu gọi chấn hưng Phật giáo của mình, Thiện Chiếu chủ trương “1. Lập Phật học Báo quán cho dễ truyền bá Phật lý ra, được văn hồi lấy tinh thần và trừ khử những điều mê tín; 2. Lập Phật gia Công học để đào tạo những bậc có tư cách đứng đầu để truyền giáo về sau; 3. Dịch Kinh Phật ra tiếng ta, để cho Phật giáo ở nước ta sau này khỏi sợ đến thất nguyên” (14). Nhà sư uảng Hưng ở Trung Kỳ cũng cho rằng chấn hưng Phật giáo nên tập trung vào 3 việc: “1/ Làm trường học tại chùa, rước thầy giáo đến dạy các đạo nhỏ. 2/Nuôi kẻ nghèo khổ ăn học cho biết hai thứ chữ Tàu và chữ Quốc ngữ. 3/Dịch kinh Phật ra Quốc ngữ” (15). Chương trình chấn hưng Phật giáo của Thích Tâm Lai ở Bắc Kỳ cũng cho rằng, cần phải: *Một là*, lập đàn giảng thiện trong các chùa vào các buổi tối và mời các bậc thông nho biết chữ quốc ngữ hiệp với nhà chùa cùng dịch kinh Phật chữ nho ra chữ quốc ngữ, lại cũng mời các nhà thông tiếng Pháp dịch các sách Phật bằng chữ Pháp ra quốc ngữ để phổ tống cho đồng nhân; *Hai là*, mở Trường Sơ học yếu lược và Trường Sơ đẳng tiểu học bên cạnh các chùa; *Ba là*, lập nhà nuôi kẻ khó và nhà bảo cô bên cạnh các chùa (16). Thích Trí Hải trong quá trình vận động chấn hưng Phật giáo cũng đã nhận ra được sự cần thiết phải có sự cộng tác của các trí thức nên ông đã liên hệ với hàng loạt các nhân sĩ, trí thức thông thạo Hán học và cả Tây học để vận động họ cùng tham gia chấn

hưng Phật giáo (17). Và hệ quả của phong trào chấn hưng Phật học là hàng trăm bộ kinh Phật đã được dịch và triết giải bằng chữ Quốc ngữ, với hàng vạn bản kinh đã được in ở cả ba miền Bắc, Trung, Nam để xiển dương Phật pháp. Cùng với việc dịch và xuất bản kinh Phật là việc xuất bản báo chí bằng chữ Quốc ngữ. Có đến hơn mười tờ báo đã ra đời trong phong trào chấn hưng Phật giáo cận - hiện đại. Việc thành lập các *Tùng thư* cùng với sự tham góp của các tầng lớp trí thức cả tân học và cựu học, hàng loạt các công trình nghiên cứu Phật giáo cũng đã được xuất bản. Có thể kể đến những tác phẩm của Đoàn Trung Còn như: *Chuyện Phật đời xưa*, *Văn Minh Nhà Phật Qua Tàu*, *Triết Lý Nhà Phật*, *Truyện Phật Thích ca* (1932) *Tặng đồ Nhà Phật* (1934), *Các Tông Phái Đạo Phật ở Viễn Đông* (1935),... hay Lê Đình Thám với: *Kinh Thủ Lăng Nghiêm*; *Luận Nhơn Minh*; *Đại Thừa Khởi Tín Luận*; *Bát Thức Qui Củ Tụng*; *Phật học thường thức*; *Bát Nhã Tâm Kinh*; *Lịch sử Phật giáo Việt Nam* và *Phật Tổ Thích Ca*; *Tâm Minh - Lê Đình Thám tuyển tập* (gồm 5 tập),... Nguyễn Trọng Thuật với: *Dũng mãnh tinh tiến*, *Tôn giáo luận*, *Luận về sách Khóa hư*, *Tinh thần Phật giáo đối với thanh niên ngày nay*, *Phá ba điều nhận lầm giáo lý đạo Phật*, *Nhân gian Phật giáo*, *Luận bàn Lễ kết hôn trước cửa Phật*,... (18). Đây chẳng những là những công trình Phật học quan trọng, mà còn là một kho tàng về chữ Quốc ngữ, làm cho chữ quốc ngữ thấm sâu vào trong đời sống, trở thành chữ viết thông dụng, một công cụ quan trọng truyền bá văn hóa Việt Nam, tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững của văn hóa Việt Nam.



Một đóng góp khác, cũng không kém phần quan trọng của phong trào chấn hưng Phật giáo thời kỳ cận - hiện đại dưới góc nhìn văn hóa, đó chính là sự ra đời của hàng loạt các tổ chức Phật học và hệ thống chùa chiền trên cả nước.

Thật khó có thể thống kê hết các tổ chức Phật giáo và những ngôi chùa được xây dựng mới, hay trùng tu trong quá trình phát sinh và phát triển của phong trào chấn hưng Phật giáo. Nhưng chắc chắn rằng, sự ra đời của các tổ chức Phật giáo và sự trùng tu, tôn tạo, xây dựng mới các chùa, tháp, bi ký, tô tượng, đúc chuông là một trong những hoạt động chính của phong trào chấn hưng thời kỳ cận - hiện đại. Điều này đã làm sống dậy nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc Phật giáo. Tuy rằng, có một thời dài ở Bắc kỳ, bị ảnh hưởng bởi tư tưởng và phong trào “đả thực, bài phong” (hay “bài phong, đả thực”) thì hàng loạt các đình, đền, chùa, tháp, bia ký... đã bị phá bỏ. Tuy nhiên, một số sơn môn, chùa cổ - trọng trấn của Phật giáo (ở miền Bắc) cũng vẫn được duy trì. Cùng với đó thì từ đổi mới (1986) cho đến nay, hàng ngàn ngôi chùa cũng đã được tôn tạo, xây dựng mới trên cả nước, đã góp phần làm cho kiến trúc Phật giáo được “chấn hưng” và góp phần làm giàu đẹp thêm nghệ thuật kiến trúc tâm linh, tôn giáo Việt Nam. Theo thống kê thì hiện nay Giáo hội Phật giáo Việt Nam có 17.376 cơ sở tự viện, trong đó có 99 cơ sở tự viện đại trùng tu từ khi thống nhất Phật giáo năm 1981 đến nay và 399 cơ sở được công nhận là di sản văn hóa cấp Quốc gia, hàng trăm di tích văn hóa cấp tỉnh, thành (19).

*Đóng góp thứ năm của **phong trào chấn hưng Phật giáo** đối với sự phát triển của văn hóa Việt Nam cận - hiện đại đó là, phong trào này đã tạo ra sự hòa quyện, gắn kết của văn hóa, tạo nên tính đồng thuận hòa đồng về văn hóa của quốc gia dân tộc, mà trước hết là văn hóa Phật giáo.* Chính mục đích phá bỏ các sơn môn để tiến tới xây dựng một tổ chức Phật giáo Việt Nam thống nhất đã tạo điều kiện để các tăng sĩ, đoàn thể Phật giáo Việt Nam thời kỳ cận - hiện đại tìm cách liên lạc, ngồi lại với nhau để thống nhất vấn đề chấn hưng Phật giáo. Sự liên hệ này có thể được biểu hiện thông qua nhiều khía cạnh khác nhau nhưng trong đó, sự ra đời của báo chí Phật giáo với tư cách là cơ quan ngôn luận của phong trào là yếu tố quan trọng nhất. Cần phải chú ý rằng, quá trình giao thương giữa các vùng miền lúc đó còn nhiều khó khăn, chưa có nhiều điều kiện thuận lợi như bây giờ. Các thông tin mang màu sắc dân chủ, hiện đại hầu như đều bị chính quyền thuộc địa bưng bít. Hơn nữa, sự ngăn cấm của thực dân Pháp và về sau là đế quốc Mỹ cùng chính quyền tay sai miền Nam, nên việc di chuyển từ vùng này sang vùng khác là rất khó khăn. Do đó, báo chí Phật giáo ra đời ngoài việc chuyển tải các thông tin chấn hưng Đạo pháp đã tạo ra sự kết nối giữa Phật giáo ở cả 3 miền đất nước. Đồng thời, sự ra đời của báo chí còn tạo cho phong trào chấn hưng có được tiếng vang lớn trong nước, nhất là trên diễn đàn văn hóa dân tộc, văn hóa Phật giáo và nhiều lĩnh vực khác liên hệ đến Phật giáo nước nhà. Sự tham gia của đông đảo các tầng lớp trí thức Việt Nam vào trong phong trào chấn hưng Phật giáo phần nào đã phản ánh được điều này (20). Chính nhờ phong trào chấn hưng Phật giáo mà “sau đó, quần chúng nhân

dân vừa có điều kiện để hiểu rõ hơn các đặc trưng của Phật giáo, hiểu được phần nào phong tục tập quán, cách thức sinh hoạt lễ nghi ở từng vùng miền” (21). Điều này góp phần tạo ra tính thống nhất của Phật giáo và văn hóa Phật giáo, cũng như là văn hóa dân tộc.

Và cuối cùng, phong trào chấn hưng Phật giáo đã tạo ra sự hội nhập của văn hóa Phật giáo Việt Nam nói riêng, văn hóa Việt Nam nói chung với văn hóa thế giới và văn hóa Phật giáo thế giới, làm cho văn hóa Việt Nam có sự sống và tham góp vào sự phát triển chung của văn hóa nhân loại. Có nhiều ý kiến cho rằng, một trong các nguyên nhân dẫn đến sự ra đời của phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam cận - hiện đại là do “ảnh hưởng của trào lưu cải cách Phật giáo trên thế giới và khu vực, mà trực tiếp nhất là cuộc vận động cải cách Phật giáo ở Xiêm (Thái Lan) từ nửa đầu thế kỷ XIX, phong trào cải cách Phật giáo ở Ấn Độ và đặc biệt là phong trào chấn hưng Phật giáo ở Trung Quốc đầu thế kỷ XX” (22). Theo Trần Văn Giàu thì đầu thế kỷ XX, phong trào chấn hưng Phật giáo Trung Quốc đã có sự ảnh hưởng đến Việt Nam. Tạp chí *Hải Triều Âm*, cơ quan ngôn luận chính của phong trào chấn hưng Phật học ở Trung Quốc, cùng với nhiều sách, kinh, truyện cải cách khác được truyền bá vào Việt Nam và được giới tăng sĩ Việt Nam, đặc biệt là giới tăng sĩ trẻ, có học vấn cao, tiêu biểu như thiền sư Thích Từ Phong (chùa Giác Hải), Khánh Hòa (chùa Tiên Linh), Chí Thành (chùa Phi Lai) và nhất là nhà sư trẻ Thiện Chiếu (chùa Linh Sơn) ở Nam Kỳ đã chào đón nồng nhiệt (23). Hòa thượng Thích Trí Hải cũng cho biết: “Muốn khảo cứu Phật giáo nước ngoài để bồi bổ cho Phật giáo nước nhà, nên đầu năm 1937, Hội (24) phái người sang du học ở Trung Quốc. Bấy giờ ở miền Bắc có tôi, ở miền Trung có Thượng tọa Mật Thể” (25). Cũng theo ông thì: “Chúng tôi vắng nhà hơn 11 tháng. Sang Trung Quốc tham quan, học tập, nghiên cứu được ít kinh nghiệm về Phật giáo Trung Quốc và tỉnh được ít kinh sách mang về” (26). Cũng theo Thích Trí Hải, năm 1938, “do một số Việt kiều ở Viêng Chăn (Lào) thỉnh cầu Hội Phật giáo cử các sư sang giúp lễ và quy y cho các kiều bào ở bên ấy, Hội cử tôi và sư ông Đại Hải (Đỗ Danh Giao) ở chùa Dâu, Bắc Ninh sang đấy làm lễ kỳ siêu và quy y cho các kiều bào. Ngoài ra, còn thu xếp giúp kiều bào thành lập Hội Phật giáo, trừ bị xây một ngôi chùa ngay thành phố Viêng Chăn. Nhân tiện, chúng tôi cũng được các kiều bào đưa sang tham quan tỉnh Nông Kì (Noong Khai), Thái Lan” (27).

Ở phía Nam, phong trào Phật giáo Nhật Bản cũng có ảnh hưởng đến một số nhà sư kêu gọi chấn hưng Phật giáo. Nguyễn Lang cho biết: “Được gặp tân tăng Nhật Bản Tomomatsu (Hữu Tùng Viên Đế) tại Sài Gòn, thấy ông sư trẻ tuổi này nói được nhiều ngoại ngữ, tính tình bật thiệp, có tâm học, biết tuyên tư tưởng mới với báo chí... ký giả Tự Giác rất lấy làm khâm phục. Ông khuyên “từ rày về sau, người tu Phật nên bỏ hẳn cái lối đầu tóc áo vuông, theo gương các sư

Nhật”. Ông thêm: “Những ai muốn ăn chay hay độc thân thì tùy ý”” (28). Như thế có thể thấy, ngay từ những thập niên đầu tiên kêu gọi chấn hưng Phật giáo thì Phật giáo Việt Nam đã có sự ảnh hưởng và hội nhập với các phong trào Phật giáo ở khu vực. Và ngược lại, phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam cũng đã gây được ảnh hưởng với các phong trào Phật giáo quốc tế. Có lẽ, sự kiện rõ nét nhất là việc “Ngày 8 tháng 6 năm 1950, Đại hội Phật giáo Thế giới họp ở Colombo, Thủ đô của Tích Lan (Sri Lanka), có mời Giáo hội Tăng già Phật giáo Việt Nam tham dự. Hội Phật giáo cử Thượng tọa Tố Liên làm Trưởng đoàn sang dự” (29). Và “Tại Hội nghị, Thượng tọa được cử làm Phó Hội trưởng Hội Phật giáo Thế giới” (30). Như thế là Phật giáo Việt Nam đã có được chỗ đứng và uy tín trong lòng cộng đồng Phật giáo quốc tế. Thích Trí Hải cũng cho biết thêm rằng: “Năm 1952, nước Cao Miên (Campuchia) rước xá lợi Phật từ Ấn Độ về, làm lễ cầu nguyện hòa bình, có mời Phật giáo các nước lân cận, trong đó có Việt Nam sang dự lễ. Hội Phật giáo và Giáo hội Tăng già cử chúng tôi sang dự cùng các đại biểu trong Nam” (31). Cũng trong năm này, Giáo hội Tăng già Việt Nam đã công nhận Ban Chấp hành của Hội Phật giáo Thế giới tại Việt Nam, đồng thời cử đại biểu Phật giáo Việt Nam sang Nhật Bản dự Đại hội đại biểu Phật giáo Thế giới khóa 2. Giáo hội cũng đã quyết định cử một số nhà sư trẻ xuất dương du học. Có 4 người được cử sang Nhật Bản là: Tâm Giác, Chân Từ (Thanh Kiểm) ở miền Bắc, Thiên Ân ở miền Trung và Nhật Liên ở Nam Kỳ. Và 4 người khác được cử sang Ấn Độ là Minh Châu, Trí Không (ở miền Trung) và Phúc Tuệ, Quảng Độ (ở miền Bắc) (32).

Về mặt Nhà nước, chuyến thăm Ấn Độ của **Chủ tịch Hồ Chí Minh** năm 1958 cũng đã tạo ra sự gắn kết giữa Phật giáo Việt Nam với Phật giáo Ấn Độ. Người kể lại, trong chuyến thăm này “Bác và Đoàn đã đến thăm Hội Mahabodi. Hội này thành lập từ năm 1891 nhằm mục đích truyền bá đạo Phật khắp thế giới. Hiện nay có hơn 500 hội viên suốt đời và 500 hội viên thường. Khi đến nơi, Bác và Đoàn do các vị Hòa thượng đưa lên lầu trên là nơi thờ Đức Phật. (Trong các vị này có sư Thích Minh Châu là người Việt Nam đã cùng với một cụ Hòa thượng người miền Nam sang nước bạn tham gia lễ kỷ niệm Phật Đản năm thứ 2.500. Cụ Hòa thượng ấy đã mất và chôn ở Đêli. Khi ở Thủ đô nước bạn, Bác đã nhờ cụ Phó Thủ tướng Phan Kế Toại và đồng chí Bộ trưởng Hoàng Minh Giám đến viếng mộ). Lễ Phật xong, Bác và Đoàn cùng bà Thủ hiến đến dự mít tinh hoan nghênh; có thiện nam tín nữ rất đông. Chương trình lễ hoan nghênh gồm có: Các học sinh Trường Phật hát bài hoan nghênh. Ông Tổng thư ký Hội Mahabodi đọc lời chào mừng. Bà Thủ hiến phát biểu ý kiến. Bác trả lời cảm ơn. Hội tặng Bác một sổ sách Phật. Học sinh hát bài hoan tống” (33).



(Ảnh: Internet)

Những hoạt động trên đây của các tăng sĩ Phật giáo cũng như là của lãnh đạo Nhà nước đã đặt nền móng cho việc hội nhập của Phật giáo Việt Nam với khu vực và Thế giới, tạo được sự gắn kết giữa phong trào Phật giáo Việt Nam với phong trào Phật giáo thế giới. Điều này đã tạo hiệu ứng tốt cho phong trào Phật giáo Việt Nam trong quá trình đấu tranh chống chính sách đàn áp tôn giáo ở miền Nam của chế độ Mỹ - Diệm. Từ sau khi đất nước được thống nhất năm 1975, Phật giáo Việt Nam tiếp tục có những hoạt động trao đổi, giao lưu về hoạt động Phật sự với Phật giáo khu vực và quốc tế. Đặc biệt là từ khi Giáo hội Việt Nam được thành lập năm 1981, và quan điểm đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam có sự thay đổi theo hướng đa phương hóa, đa dạng hóa và hội nhập quốc tế thì Phật giáo Việt Nam cũng đã có những hoạt động đối ngoại để thúc đẩy sự phát triển của Phật giáo nói riêng và quốc gia dân tộc nói chung. Có thể thấy, sự kiện Đại lễ Vesak Liên hợp quốc 2019 diễn ra từ ngày 12 - 14/05 tại Việt Nam là một sự kiện có tiếng vang lớn của Phật giáo Việt Nam đối với cộng đồng Phật giáo thế giới. Những hoạt động đối ngoại, hội nhập này đã góp phần to lớn vào việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc giữa cộng đồng Phật tử ở trong nước với cộng đồng Phật tử Việt Nam ở nước ngoài.

Sự đẩy mạnh giao lưu, hội nhập với cộng đồng Phật giáo khu vực và quốc tế đã góp phần làm cho Phật giáo Việt Nam mang nhiều nét mới, hiện đại hơn, nhất là trong việc truyền giáo, thực hành nghi lễ. Các hội thảo về Phật giáo đã được tổ chức thường xuyên hơn với sự tham gia của đông đảo tăng, ni Phật tử và các nhà nghiên cứu Phật học ở cả trong và ngoài nước. Các cơ sở Phật giáo Việt Nam đã được thành lập ở nhiều quốc gia trên thế giới, làm cho hình ảnh về đất

nước, con người Việt Nam, những giá trị văn hóa của Việt Nam được giới thiệu, quảng bá rộng rãi trong cộng đồng quốc tế. Những nguồn vốn đầu tư của nước ngoài cho việc nghiên cứu, trùng tu, tôn tạo, phục dựng lại và xây mới các công trình kiến trúc, điêu khắc, nghi lễ Phật giáo Việt Nam cũng đã ngày càng nhiều thêm. Nhiều nét đẹp, giá trị văn hóa Phật giáo Việt Nam do đó đã được cộng đồng quốc tế thừa nhận, tôn vinh. Đó chính là đóng góp không thể phủ nhận của phong trào chấn hưng Phật giáo cận - hiện đại đối với sự phát triển của văn hóa nước nhà, nhất từ từ khi đổi mới cho đến nay.

Kết luận

Nhìn lại lịch sử Việt Nam thời kỳ cận - hiện đại có thể thấy, phong trào chấn hưng Phật giáo rõ ràng không còn chỉ là một phong trào vừa mang tính tôn giáo, vừa mang tính chất chính trị - xã hội, tính học thuật nữa, mà đó còn là quá trình đấu tranh để bảo vệ, phục dựng các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của quốc gia dân tộc trước xu thế xâm lấn, cưỡng bức của các luồng văn hóa khác từ bên ngoài vào. Với ý nghĩa đó, đây còn là một phong trào mang tính dân tộc, bởi khôi phục, chấn hưng đạo Phật và văn hóa Phật giáo Việt Nam cũng là một phần quan trọng của việc chấn hưng văn hóa dân tộc, khẳng định vị thế, bản lĩnh, trí tuệ của quốc gia dân tộc.

Phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam cận - hiện đại đã làm cho các giá trị văn hóa Phật giáo truyền thống được khôi phục, gìn giữ, tạo ra sự thống nhất về cơ bản các giá trị văn hóa của Phật giáo, tạo ra những nét riêng của văn hóa Phật giáo Việt Nam. Đồng thời, với tính “mở”, biến đổi để thích nghi, phong trào này cũng đã góp phần làm cho văn hóa Việt Nam nói chung và văn hóa Phật giáo nói riêng có sự chủ động trong việc tiếp nhận các yếu tố mới, tích cực, đặc biệt là tính khoa học, để làm giàu đẹp, hiện đại hơn nền văn hóa của quốc gia dân tộc. Có thể nói, sự hội nhập sâu rộng và vị thế, giá trị văn hóa của Việt Nam trên trường quốc tế ngày nay được tăng cường có một phần đóng góp của các phong trào Phật giáo Việt Nam.

Đương nhiên rằng, trong quá trình phát triển phong trào chấn hưng Phật giáo cũng bộc lộ nhiều hạn chế, nhất là trong thời kỳ đổi mới. Sự phục dựng, trùng tu, tôn tạo và xây dựng mới các cơ sở Phật sự một cách ồ ạt mà không có sự quy hoạch nghiêm cẩn, khoa học đã làm cho một số giá trị về kiến trúc, điêu khắc, văn bia,... bị mai một, hư hoại. Sự pha tạp về kiến trúc, bày trí không gian tín ngưỡng, và sự trộn lẫn những nghi lễ không phải của Phật giáo mang tính mê tín, dị đoan ở trong các cơ sở Phật sự đã và đang diễn ra tràn lan cũng là vấn đề làm cho văn hóa Phật giáo bị nhuộm bụi trần. Thiết nghĩ, trong thời gian tới, nhưng điều cần được chấn chỉnh bằng cả sự tôn nghiêm về giáo luật của

Giáo hội Phật giáo cũng như là pháp luật, chính sách của Nhà nước, để cho Phật giáo thực sự đi đúng đường hướng, tôn chỉ là Đạo pháp - Dân tộc và Chủ nghĩa xã hội.

Tác giả: **TS Phạm Minh Thế**

Tham luận tại Hội thảo khoa học "Đạo Phật Với Cách Mạng Việt Nam" tổ chức ngày 25/08/2025, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội

Chú thích:

- 1) Khoa Lịch sử, Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQGHN
- 2) Dương Thanh Mừng, 2017, Phong trào chấn hưng Phật giáo ở miền Trung Việt Nam (1932-1951), Luận án Tiến sĩ Sử học, Đại học Huế, Trường Đại học Sư phạm, tr. 163-164.
- 3) Thích Trí Hải, 2019, Tuyển tập Sa môn Trí Hải, Nxb Hồng Đức, Hà Nội, tập I, tr. 237.
- 4) Thích Trí Hải, 2019, Tuyển tập Sa môn Trí Hải, Sđd, tập I, tr. 239.
- 5) Dương Thanh Mừng, 2017, Phong trào chấn hưng Phật giáo ở miền Trung Việt Nam (1932-1951), Tlđd, tr. 164.
- 6) Nguyễn Thái Vận (1937), “Thanh niên đối với Phật giáo nước nhà”, Duy Tâm Phật học, số 23, tr. 607.
- 7) Thích Trí Hải (2019), Tuyển tập Sa môn Trí Hải, Sđd, tập I, tr. 237.
- 8) Thích Trí Hải (2019), Tuyển tập Sa môn Trí Hải, Sđd, tập I, tr. 238.
- 9) Đuốc tuệ, số 93, ra ngày 15-9-1938, tr. 36.
- 10) Nguyễn Đại Đồng, Thích Quảng Tiếp (2015), Phật giáo Hải Dương những chặng đường, Nxb Tôn giáo, Hà Nội, tr. 67.
- 11) Dương Thanh Mừng, 2017, Phong trào chấn hưng Phật giáo ở miền Trung Việt Nam (1932-1951), Tlđd, tr. 164.
- 12) Theo Nguyễn Lang, 2014, Việt Nam Phật giáo sử luận toàn tập, Sđd, tr. 804.
- 13) Nguyễn Lang, 2014, Việt Nam Phật giáo sử luận toàn tập, Sđd, tr. 754-755.
- 14) Nguyễn Đại Đồng và Ph.D Nguyễn Thị Minh sưu tầm và biên soạn, 2008, Phong trào chấn hưng Phật giáo - Tư liệu báo chí Việt Nam từ 1927-1938, Sđd,

tr. 16-17.

15) Thích Như Tịnh, 2008, *Hành trang chư thiên đức xứ Quảng*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội, tr. 284.

16) Nguyễn Đại Đồng và Ph.D Nguyễn Thị Minh sưu tầm và biên soạn, 2008, *Phong trào chấn hưng Phật giáo - Tư liệu báo chí Việt Nam từ 1927-1938*, Sđd, tr. 22-23.

17) Thích Trí Hải, 2019, *Tuyển tập Sa môn Trí Hải*, Sđd, tập 1, tr. 243-244.

18) Phạm Minh Thế, 2020, “Vai trò của trí thức đối với sự ra đời của cá tổ chức Phật giáo Việt Na trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945”, in trong *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Lịch sử hình thành Giáo hội Phật giáo cổ truyền Việt Nam và những đóng góp cho đạo pháp và dân tộc*, Bình Dương, tr. 55-73.

19) Hòa thượng, TS Thích Thanh Điện (Tổng chủ biên, 2021), *40 năm chặng đường lịch sử của Giáo hội Phật giáo Việt Nam (1981-2021)*, (Sách chuyên khảo), Sđd, tr. 853-854.

20) Xem thêm Phạm Minh Thế, 2020, “Vai trò của trí thức đối với sự ra đời của cá tổ chức Phật giáo Việt Na trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945”, Tlđd, tr. 55-73.

21) Dương Thanh Mừng, 2017, *Phong trào chấn hưng Phật giáo ở miền Trung Việt Nam (1932-1951)*, Tlđd, tr. 165- 166.

22) Hòa thượng, TS Thích Thanh Điện (Tổng chủ biên, 2021), *40 năm chặng đường lịch sử của Giáo hội Phật giáo Việt Nam (1981-2021)*, (Sách chuyên khảo), Sđd, tr. 66.

23) Trần Văn Giàu, 2003, *Tác phẩm được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, Quyển II, tr, 738.

24) *Hội ở đây là Hội Phật giáo Bắc Kỳ.*

25) Thích Trí Hải, 2019, *Tuyển tập Sa môn Trí Hải*, Sđd, tập 1, tr. 264.

26) Thích Trí Hải, 2019, *Tuyển tập Sa môn Trí Hải*, Sđd, tập 1, tr. 269.

27) Thích Trí Hải, 2019, *Tuyển tập Sa môn Trí Hải*, Sđd, tập 1, tr. 273.

28) Nguyễn Lang, 2014, *Việt Nam Phật giáo sử luận toàn tập*, Sđd, tr. 754-755.

29) Thích Trí Hải, 2019, *Tuyển tập Sa môn Trí Hải*, Sđd, tập 1, tr. 290.

- 30) Thích Trí Hải, 2019, *Tuyển tập Sa môn Trí Hải, Sđd, tập 1, tr. 290.*
- 31) Thích Trí Hải, 2019, *Tuyển tập Sa môn Trí Hải, Sđd, tập 1, tr. 292.*
- 32) Thích Trí Hải, 2019, *Tuyển tập Sa môn Trí Hải, Sđd, tập 1, tr. 307-308*
- 33) Hồ Chí Minh, 2011, *Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 11, tr. 340.*